

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2019

“Về việc tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang và ông Phạm Công Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Đàm Thị Hạnh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31/5/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2019 về việc “ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hoa P, sinh ngày 10/10/1989. Địa chỉ: Phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Dương Văn A, sinh ngày 28/4/1987. Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Địa chỉ hiện nay: Angola.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, bà Trần Thị Hoa P là Nguyên đơn trình bày: Chị và anh A được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/12/2008 tại UBND xã T, thị xã C (nay là phường T, thành phố C), tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình nhà chồng tại phường T, thành phố C. Vợ chồng hòa thuận đến tháng 6/2009 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Nên chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ đó. Nay,

chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh A.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị tự nguyện chịu toàn bộ theo quy định.

Do vợ chồng không liên lạc với nhau từ lâu nên chị không biết địa chỉ cụ thể hiện nay của anh A mà chỉ nghe thông tin anh A hiện đang lao động tại Angola. Để biết cụ thể, chị đề nghị Tòa án tiến hành làm việc đối với gia đình anh A.

Tại biên bản lấy lời khai, ông Dương Văn B (là bố anh A) trình bày: Việc chị P xin ly hôn anh A tại Tòa án, ông có biết do chính chị P nói chuyện. Ông tôn trọng ý kiến của chị P và đề nghị Tòa án sớm giải quyết theo yêu cầu của chị P để hai bên ổn định cuộc sống. Sau khi kết hôn vào tháng 12/2008 thì đến tháng 6/2009, giữa chị P và anh A phát sinh mâu thuẫn, chị P bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Tháng 7/2009, anh A đi xuất khẩu lao động tại Angola. Anh A vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Qua điện thoại, ông có hỏi và được anh A trao đổi giữa anh A và chị P không còn liên lạc với nhau; quan điểm của anh A nhất trí ly hôn chị P. Tuy nhiên, ông không cung cấp được địa chỉ cũng như văn bản ghi ý kiến của anh A cho Tòa án vì anh A không nói địa chỉ cho ông biết và do anh A bị thất lạc hộ chiếu chưa làm lại được nên không thể về Việt Nam cũng như cung cấp văn bản ghi ý kiến (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nơi cư trú). Anh A trao đổi nhất trí ly hôn với chị P; do không có mặt tại Việt Nam nên anh A đề nghị Tòa án giao các văn bản tố tụng cho ông (là bố đẻ) giữ hộ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa. Chị P không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh A và Tòa án đã hai lần yêu cầu ông Dương Văn B (là bố anh A) cung cấp địa chỉ cũng như trao đổi lại để anh A cung cấp văn bản nêu ý kiến (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Tuy nhiên, ông B không cung cấp được mặc dù ông xác định anh A vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Việc Tòa án xác định vụ án thuộc trường hợp giấu địa chỉ và giải quyết vắng mặt anh A là phù hợp với quy định tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân (TAND) Tối Cao. Liên quan yêu cầu khởi kiện của chị P, xét thấy yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018; Căn cứ Điều 147, 150, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án, lệ phí: Chấp nhận cho chị P được ly hôn anh A. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị P chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng: Do anh Dương Văn A (Bị đơn) hiện đang lao động tại Angola nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp tỉnh theo quy định tại Điều 35, 37 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt: BLTTDS). Quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn (chị P) không cung cấp được địa chỉ hiện nay của anh A. Tòa án đã hai lần yêu cầu ông Dương Văn B (là bố anh A) cung cấp địa chỉ hiện nay của anh A cũng như trao đổi để anh A cung cấp văn bản nêu ý kiến (có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền). Tuy nhiên, ông B không cung cấp được mặc dù ông xác định anh A vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình. Căn cứ Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao, HĐXX xác định vụ án thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ và tiến hành xét xử vắng mặt anh A. Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt chị theo quy định Điều 238 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Xét thấy, chị P và anh A kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng, chị P có yêu cầu giải quyết ly hôn với anh A. Mặc dù, theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh A chưa có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của chị P nhưng thông qua ông Dương Văn B (bố anh A) xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh A như chị P trình bày là đúng và anh A nhất trí với yêu cầu ly hôn của chị P. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị P và anh A không đạt được nên cần chấp nhận cho chị P được ly hôn anh A.

[2.2]. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

[2.3]. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị P chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018; Căn cứ Điều 147, 150, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí. Xử:

1. Chị Trần Thị Hoa P ly hôn anh Dương Văn A.

2. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị Hoa P chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*), đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0006036 ngày 28/01/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, chị P đã thực hiện xong.

3. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại Việt Nam (chị P) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, đương sự cư trú ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, Tp. C, tỉnh Hải Dương;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường